



Số: 78C-UBND

Bắc Giang, ngày 30 tháng 11 năm 2018

## BÁO CÁO TÓM TẮT

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018;  
Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2019

Phần thứ nhất

### TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh - tế xã hội năm 2018, UBND tỉnh đã bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; đồng thời, luôn sâu sát cơ sở, nắm chắc tình hình, chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng, cấp bách; thường xuyên đối thoại lắng nghe, giải quyết kiến nghị, tháo gỡ khó khăn vướng mắc của người dân, doanh nghiệp. Nhờ sự nỗ lực, quyết tâm cao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được kết quả khá toàn diện, 15/17 chỉ tiêu chủ yếu hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra.

#### A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

##### I. LĨNH VỰC KINH TẾ, ĐẦU TƯ VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

##### 1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 16,1%, thuộc nhóm các tỉnh có mức tăng cao nhất cả nước. Trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng cao nhất từ trước đến nay ước đạt 6,5%, công nghiệp - xây dựng tăng 23,9% (công nghiệp tăng 26,1%, xây dựng tăng 13,5%), dịch vụ tăng 8,1%, thuế sản phẩm tăng 7,8%.

Quy mô kinh tế của tỉnh (GRDP theo giá hiện hành) ước đạt 89.575 tỷ đồng, tương đương khoảng 4 tỷ USD. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch mạnh theo hướng tích cực. GRDP bình quân đầu người được rút ngắn đáng kể so với bình quân cả nước, ước đạt 2.300 USD.

##### 2. Sản xuất công nghiệp - xây dựng

##### 2.1. Công nghiệp

Hầu hết các ngành sản xuất quan trọng đều hoạt động ổn định, trong đó có hơn 10 doanh nghiệp có giá trị sản xuất lớn, trên 1.000 tỷ đồng tăng trưởng cao, đóng góp lớn cho tăng trưởng toàn ngành. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) bằng 131,5% so với năm 2017. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá thực tế) ước đạt 159.295 tỷ đồng, vượt 10,6% kế hoạch. Khu vực doanh nghiệp FDI có tốc độ tăng cao nhất, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

##### 2.2. Xây dựng

Tăng trưởng kinh tế ổn định, các chính sách huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển phát huy hiệu quả; môi trường kinh doanh được cải thiện giúp các doanh nghiệp đầu tư xây dựng, mở rộng sản xuất kinh doanh đã góp phần đưa giá trị sản xuất ngành xây dựng tăng 16,4%; giá trị sản xuất (giá hiện hành) ước đạt 26.890 tỷ đồng, vượt 2% kế hoạch.

### 3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp bước đầu có sự chuyển biến về tổ chức sản xuất theo hướng chăn nuôi trang trại, ứng dụng công nghệ cao, có sự gắn kết giữa sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Đến nay đã có 71 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tăng 50 mô hình, 163 cánh đồng mẫu, tăng 49 cánh đồng so với năm 2017. Chăn nuôi và thủy sản phát triển ổn định theo hướng VietGap, an toàn sinh học. Đàn vật nuôi sau những tháng đầu năm gặp khó khăn đang dần phục hồi. Công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ phát triển rừng vượt kế hoạch đề ra; số vụ vi phạm về chặt phá rừng tự nhiên trái phép và tình trạng cháy rừng giảm mạnh. Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 6,8%; giá trị sản xuất/ha đất nông nghiệp đạt 103 triệu đồng, tăng 12,5%, vượt 3,5% kế hoạch.

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đạt được kết quả quan trọng. Huyện Việt Yên trở thành huyện đầu tiên của tỉnh được Thủ tướng chính phủ công nhận đạt chuẩn huyện Nông thôn mới; đến hết năm, tỉnh có 89 xã đạt chuẩn (tăng 21 xã so với năm 2017), đạt tỷ lệ 43,6%.

### 4. Dịch vụ

Sản xuất dịch vụ ước tăng 8,1% so với năm 2017, giá trị ước đạt 39.590 tỷ đồng, bằng 99,1% kế hoạch. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 24.535 tỷ đồng, tăng 15,1%, đạt 100% kế hoạch. Giá trị xuất khẩu ước đạt 7,5 tỷ USD, bằng 96,2% kế hoạch; nhập khẩu đạt 7,2 tỷ USD, bằng 96% kế hoạch. Đã tổ chức thành công Diễn đàn kinh tế có quy mô lớn nhất từ trước đến nay về sản xuất, tiêu thụ vải thiều và nông sản chủ lực của tỉnh.

Tổng nguồn vốn huy động của các ngân hàng thương mại ước đạt 47.075 tỷ đồng, tăng 18,9%; dư nợ cho vay đạt 46.165 tỷ đồng, tăng 19,0%. Hạ tầng giao thông, bưu chính viễn thông được tăng cường đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển.

Thu hút đầu tư phát triển du lịch đạt được kết quả khá. Đã tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến đầu tư du lịch năm 2018. Tiến độ dự án du lịch trọng điểm Khu du lịch sinh thái - tâm linh Tây Yên Tử cơ bản đảm bảo. Lượng khách du lịch đến tỉnh đạt khoảng 1,5 triệu lượt khách, tăng 25,5%, đạt 100,4% kế hoạch. Các loại hình dịch vụ khác như hoạt động kinh doanh bất động sản, dịch vụ giáo dục và đào tạo, y tế... tiếp tục phát triển, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân.

### 5. Thu, chi ngân sách nhà nước

Thu ngân sách nhà nước đạt cao nhất từ trước đến nay. Tổng thu ước đạt 8.960 tỷ đồng, tăng 41,2%, vượt 40,7% dự toán. Thu nội địa ước đạt 7.860 tỷ đồng, tăng 46,8%, vượt 55,7% dự toán (trong đó thu trừ tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 3.375 tỷ đồng, tăng 17,7%, vượt 7,7% dự toán). Chi ngân sách nhà nước đạt 19.070 tỷ đồng, bằng 140,7% dự toán, tăng 30,9%; trong đó, chi đầu tư phát triển tăng mạnh, đạt 7.750 tỷ đồng, cao gấp gần 2,5 lần so với năm 2017.

### 6. Đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước đạt 43.395 tỷ đồng, tăng 16,0%, vượt 7,1% kế hoạch.

#### 6.1. Thực hiện kế hoạch đầu tư công

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 là 5.716 tỷ đồng. Ước đến 31/12/2018, giá trị khối lượng thực hiện đạt 5.346 tỷ đồng, bằng 93,5%, giá trị giải

ngân đạt 5.129 tỷ đồng, bằng 89,7 % kế hoạch. Nợ đọng trong XDCCB giảm mạnh, tính đến ngày 31/10/2018 còn 358 tỷ đồng, giảm 245 tỷ đồng (*giảm 46%*) so với năm 2017.

Điểm nổi bật trong năm là thu ngân sách nhà nước tăng mạnh đã tạo điều kiện để bổ sung nguồn vốn đáng kể cho đầu tư phát triển; trong đó, đã bố trí trên 380 tỷ đồng từ nguồn vốn vượt thu tiền sử dụng đất để đẩy nhanh tiến độ một số dự án trọng điểm của tỉnh; ngoài ra đang chuẩn bị các thủ tục bổ sung đầu tư, triển khai mới một số dự án quan trọng trong năm 2019.

### *6.2. Huy động các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu*

Việc huy động nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng được chú trọng. Toàn tỉnh hiện đang triển khai thực hiện 15 dự án BT, với tổng mức đầu tư khoảng 4.780 tỷ đồng. Đến nay, đã có 02 dự án cơ bản hoàn thành: Dự án Nhà Khách tỉnh và Dự án Cầu Đồng Sơn và đường dẫn lên cầu; các dự án còn lại đang triển khai các bước theo quy định. Đã chấp thuận đầu tư 5 dự án khu đô thị, khu dân cư với tổng mức đầu tư trên 798 tỷ đồng; 04 dự án nhà ở thương mại, tổng mức đầu tư 3.030 tỷ đồng.

Chủ trương hỗ trợ cứng hóa giao thông nông thôn nhận được sự đồng thuận của người dân, tạo nên phong trào rộng khắp trong toàn tỉnh góp phần thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn. Đến nay tỉnh đã hỗ trợ 217.550 tấn xi măng, thực hiện cứng hóa được hơn 920km đường bê tông, đạt 72% kế hoạch. Một số huyện đã đạt được số lượng lớn như: Lạng Giang 165km, Tân Yên 170km, Lục Ngạn 200km... Dự kiến đến hết năm toàn tỉnh sẽ cứng hóa 1.278 km, đạt 100% kế hoạch.

### *6.3. Cải thiện môi trường đầu tư; thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp*

Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh tiếp tục được cải thiện. Nhiều tập đoàn lớn như FLC, tập đoàn Samsung, Vinfast, các đoàn doanh nghiệp Hàn Quốc, Úc ... đã đến khảo sát đầu tư tại tỉnh. Tính đến 31/10/2018, đã cấp mới và điều chỉnh cho 203 dự án, bằng 95,9%, tổng vốn quy đổi đạt 616 triệu USD. Mặc dù kết quả thu hút vốn FDI đạt thấp hơn cùng kỳ, song vẫn nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước. Điểm sáng trong năm là có tới 59 dự án đầu tư hoạt động hiệu quả, đã mở rộng sản xuất kinh doanh, tổng vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trên 370 triệu USD. Ước hết năm 2018, tổng vốn thực hiện các dự án FDI đạt 546 triệu USD, tăng 52,5%.

Có 1.061 doanh nghiệp được thành lập mới, bằng 97% cùng kỳ, đạt 70,7% kế hoạch (*đúng thứ 18/63 tỉnh thành*); tổng vốn đăng ký là 8.475 tỷ đồng, bằng 86,5%. Trong năm có 154 doanh nghiệp hoạt động trở lại song cũng có 329 doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động. Tổng vốn thực hiện của các doanh nghiệp trong nước ước đạt 6.455 tỷ đồng, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2017.

Việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo kế hoạch; trong đó, đã hoàn thành chuyển đổi Công ty phát triển hạ tầng KCN tỉnh Bắc Giang; hoàn thành giải thể Công ty lâm nghiệp Sơn Động; sắp xếp tinh gọn đối với 05 công ty thủy nông thành 02 công ty. Kinh tế tập thể được tạo điều kiện phát triển, có 106 HTX thành lập mới, tăng 24,7%.

## **7. Công tác quản lý tài nguyên và môi trường**

Đã trình Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (*2016- 2020*) tỉnh Bắc Giang; trình các cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi 3.005 ha đất trồng lúa để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội (*trong đó, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận 609 ha, HĐND tỉnh chấp thuận 2.396 ha*). Tăng cường quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai; đẩy mạnh công tác đo đạc bản đồ địa chính gắn với cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án; đến hết 31/10/2018, toàn tỉnh đã thu hồi, bồi thường được 1.500 ha, đạt 80% kế hoạch.

Thực hiện nghiêm Kết luận số 43-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chủ trương, chỉ đạo giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nông thôn. Chủ động phối hợp với UBND tỉnh Bắc Ninh giải quyết các vấn đề về môi trường tại địa bàn giáp ranh. Đẩy nhanh các bước để đầu tư Nhà máy xử lý rác thải thành phố Bắc Giang. Tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng; tăng cường kiểm tra, xử lý các hoạt động gây ô nhiễm môi trường; khai thác tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là khai thác đất san lấp mặt bằng và khai thác cát, sỏi lòng sông ...

## **II. LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI**

### **1. Giáo dục và đào tạo**

Tiếp tục triển khai sáp nhập một số trường tiểu học, THCS có quy mô nhỏ; tăng cường đầu tư, huy động, lồng ghép các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất trường lớp, hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và hiện đại hóa. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 88,5%, đạt 100% kế hoạch, tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 85%, vượt 0,4% kế hoạch. Thực hiện rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy nhân sự ở các cơ sở giáo dục; tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ có chuyển biến tích cực. Chất lượng giáo dục duy trì ổn định, giữ vững trong tốp dẫn đầu cả nước. Công tác quản lý đối với các khoản thu trong dạy thêm, học thêm và các khoản thu đầu năm học được tăng cường, có chuyển biến.

### **2. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Thực hiện hiệu quả công tác y tế dự phòng, trong năm không có dịch bệnh lớn, nguy hiểm xảy ra. Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, thực hiện sắp xếp tổ chức nâng cao chất lượng của các cơ sở khám chữa bệnh. Đẩy mạnh việc thực hiện tự chủ tài chính của các bệnh viện công lập và công tác xã hội hóa trong y tế. Tỷ lệ số xã/phường/thị trấn đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế ước đạt 96,5%, bằng 100% kế hoạch; số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 26,1 giường, vượt 5,9% kế hoạch.

Chất lượng công tác khám chữa bệnh tiếp tục được nâng lên; trình độ chuyên môn nghiệp vụ và thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sỹ được cải thiện. Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ bao phủ BHYT cao hơn bình quân cả nước, đạt 97,2 % dân số, đạt 100% kế hoạch, tăng 7,2%.

### **3. Văn hóa, thể thao, thông tin**

Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; triển khai quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà; tổ chức thành công lễ khai hội xuân Tây Yên Tử ... Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao quy mô, hình thức phong phú, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Phong trào thể dục, thể thao phát triển mạnh mẽ; thể thao thành tích cao có nhiều tiến bộ.

Công tác quản lý các hoạt động thông tin, báo chí được tăng cường, bám sát chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; phản ánh đầy đủ, kịp thời các vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội trong tỉnh và cả nước, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của nhân dân.

#### **4. Khoa học và công nghệ**

Đẩy mạnh ứng dụng, nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất, đặc biệt trong lĩnh vực: Nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sau thu hoạch, nghiên cứu các sản phẩm chủ lực của tỉnh... Quan tâm hỗ trợ xây dựng thương hiệu và quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm của tỉnh; năm 2018 có 123 sản phẩm được cấp văn bằng bảo hộ, tăng 62,4%. Đã thực hiện khảo sát, điều tra về trình độ công nghệ đối với các doanh nghiệp hoạt động tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

#### **5. Đời sống nhân dân, lao động, việc làm và chính sách xã hội**

Thực hiện đầy đủ, kịp thời hiệu quả các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, chính sách giảm nghèo. Đời sống nhân dân tiếp tục được nâng lên; tỷ lệ hộ nghèo vượt kế hoạch đề ra, ước hết năm 2018 còn 7,31%. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm quy định pháp luật về lao động tại các doanh nghiệp. Tỉnh hiện có 57,3% số doanh nghiệp đang hoạt động tham gia BHXH; nợ BHXH đã giảm mạnh, tổng số tiền nợ từ 3 tháng trở lên là 51,7 tỷ đồng, giảm 34,3% so với năm 2017.

Đã đào tạo trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên cho 35.189 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63,1%. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực; có 29.410 lao động được tạo việc làm mới, đạt 100% kế hoạch. Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em; bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống tệ nạn xã hội được tăng cường.

### **III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH**

#### **1. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực hiệu quả điều hành của nhà nước**

Tăng cường rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết đối với tất cả các thủ tục hành chính; hiện 100% thủ tục hành chính của các sở, ngành được thực hiện tại Trung tâm hành chính công tỉnh. Triển khai Khung kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 1.0. Tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ đầu năm đến nay đã tổ chức sắp xếp giảm được 02 tổ chức hành chính nhà nước, 102 đơn vị sự nghiệp công lập; tinh giản 1.043 biên chế, trong đó khối quản lý nhà nước 58 trường hợp, khối sự nghiệp 782 trường hợp, công chức xã 202 trường hợp.

#### **2. Công tác tư pháp, thi hành án dân sự**

Tuyên truyền, phổ biến, rà soát các văn bản QPPL liên quan đến Bộ luật Hình sự năm 2018. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác thi hành án dân sự và Chỉ thị số 09-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành án dân sự. Kết quả thi hành án dân sự có chuyển biến tích cực.

#### **3. Công tác thanh tra, chống tham nhũng**

Tập trung thực hiện Thông báo số 282-TB/TU của Thường trực Tỉnh ủy về đẩy mạnh nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác thanh tra. Tăng cường theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện kết luận sau thanh tra. Toàn tỉnh đã triển khai 114 cuộc thanh tra hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội tại 282 đơn vị; 3.053 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 4.212 tổ chức, cá nhân. Phát hiện sai phạm với tổng số tiền 59,7 tỷ đồng, 130,2ha đất các loại. Thu hồi

về ngân sách nhà nước 18,6 tỷ đồng, 1,5ha đất; xử lý hành chính đối với 06 tập thể, 127 cá nhân, xử phạt vi phạm hành chính 12,4 tỷ đồng; khởi tố 11 vụ với 17 bị can.

#### **4. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**

Ban hành chỉ thị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trên địa bàn; kiện toàn Tổ công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; tập trung xem xét, giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp. Toàn tỉnh đã tiếp 7.800 lượt người, tăng 1,9% đến đề nghị giải quyết 5.178 vụ việc, giảm 8,5%; tiếp nhận 6.588 đơn, giảm 2,7% so với năm 2017; tỷ lệ giải quyết xong đạt 91,3%. Qua giải quyết khiếu nại đã thu hồi về cho nhà nước 510 triệu đồng và 41m<sup>2</sup> đất; trả lại cho công dân 762 triệu đồng, 2.800m<sup>2</sup> đất; xử lý hành chính 24 cá nhân, chuyển cơ quan điều tra 02 vụ việc, 03 đối tượng.

#### **5. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

Chủ động nắm chắc tình hình, triển khai đồng bộ, toàn diện, các giải pháp đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nhìn chung tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đã hoàn thành diễn tập phòng chống lụt bão-tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thành phố Bắc Giang; diễn tập khu vực phòng thủ năm 2018 huyện Lục Nam.

Đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành quy chế về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại. Chủ động mở rộng các quan hệ hợp tác, phát triển với các đối tác nước ngoài, các tổ chức quốc tế. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin hội nhập.

#### **6. Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ**

Công tác đảm bảo an toàn giao thông có nhiều cố gắng, tình trạng xe quá khổ, quá tải trên địa bàn đã có chuyển biến tích cực. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác thống kê, báo cáo số liệu tai nạn giao thông qua đó đã đánh giá sát hơn thực trạng tai nạn giao thông trên địa bàn. Tính từ ngày 16/12/2017 đến 15/11/2018, đã xảy ra 450 vụ tai nạn giao thông, tăng 274 vụ, làm chết 224 người, tăng 144 người, bị thương 363 người, tăng 211 người so với cùng kỳ.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật; đồng thời, tổ chức tập huấn, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Số vụ cháy giảm mạnh so với cùng kỳ; đã xảy ra 34 vụ cháy, giảm 18 vụ, thiệt hại khoảng 15 tỷ đồng, giảm 10 tỷ đồng.

### **B. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **I. KẾT QUẢ NỔI BẬT**

Tăng trưởng kinh tế cao nhất từ trước đến nay; quy mô nền kinh tế được nâng lên; cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng tích cực; GRDP bình quân đầu người được rút ngắn đáng kể với bình quân cả nước. Sản xuất công nghiệp phát triển mạnh, quy mô ngày càng lớn. Môi trường sản xuất kinh doanh được cải thiện tạo niềm tin giúp các doanh nghiệp đầu tư mở rộng. Sản xuất nông nghiệp đạt kết quả khá toàn diện; phong trào xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh, huyện Việt Yên được Thủ tướng Chính phủ công nhận là huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Dư nợ tín dụng tăng cao, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế; thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch đạt được kết quả

bước đầu. Thu ngân sách nhà nước đạt cao nhất từ trước đến nay; chi đầu tư phát triển tăng mạnh. Công tác huy động, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đạt được nhiều kết quả quan trọng. Phong trào giao thông nông thôn phát triển mạnh trên toàn tỉnh. Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, môi trường được quan tâm. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt được kết quả nổi bật. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo việc làm, văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT được duy trì thuộc nhóm cao nhất cả nước; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện. Cải cách hành chính được chú trọng; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực ngày càng được nâng lên. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được duy trì ổn định...

## II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

### 1. Lĩnh vực kinh tế, đầu tư và tài nguyên môi trường

Tăng trưởng kinh tế tăng mạnh song chưa bền vững; tỷ trọng giá trị gia tăng trong cơ cấu giá trị sản xuất tiếp tục có xu hướng giảm. Còn 02/17 chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch đề ra (*tỷ lệ dân số đô thị, xuất nhập khẩu*).

Phát triển công nghiệp chưa thực sự bền vững, phụ thuộc vào khối FDI trong khi doanh nghiệp trong nước phát triển chưa như kỳ vọng, chưa tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu.

Ngành dịch vụ phát triển chưa tương xứng tiềm năng và yêu cầu. Công tác quản lý nhà nước về các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ còn hạn chế. Nhiều mặt hàng nông sản của tỉnh chưa có nhãn hiệu, thương hiệu chính thức nên sức cạnh tranh chưa cao. Tình hình buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại trên địa bàn vẫn diễn biến phức tạp. Giá trị xuất khẩu không đạt kế hoạch đề ra.

Việc tích tụ đất đai, tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao với quy mô lớn, nông nghiệp sạch còn gặp nhiều khó khăn. Liên kết sản xuất theo chuỗi mức độ bền vững chưa cao và chưa được nhân rộng. Thu ngân sách chưa thực sự bền vững, tỷ trọng thu từ các ngành sản xuất đạt thấp. Nợ đọng thuế vẫn tăng so với thời điểm 31/12/2017.

Tiến độ đầu tư hạ tầng các KCN chưa đạt yêu cầu; hạ tầng kỹ thuật các CCN chưa đồng bộ; tỷ lệ lấp đầy bình quân các CCN trên địa bàn tỉnh thấp. Công tác thẩm định cấp giấy chứng nhận đầu tư một số dự án còn chậm. Việc quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư vẫn còn nhiều bất cập, còn để xảy ra nhiều sai phạm.

Công tác giám sát hoạt động đấu thầu nguồn vốn ngân sách nhà nước chưa được thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Tính cạnh tranh trong đấu thầu còn hạn chế, thực hiện đấu thầu qua mạng kết quả thấp. Tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư còn chậm. Việc triển khai các dự án BT còn vướng mắc về trình tự, thủ tục và phương thức thanh toán. Công tác quản lý cấp phép xây dựng, vật liệu xây dựng còn hạn chế. Một số dự án khu đô thị mới chậm triển khai. Tỷ lệ xây dựng nhà ở tại các khu đô thị, khu dân cư đạt thấp. Tỷ lệ dân số đô thị không đạt mục tiêu đề ra.

Hiệu quả công tác quản lý về đất đai chưa cao. Những tồn tại hạn chế về quản lý đất đai ở một số huyện chậm được khắc phục. Công tác quản lý quỹ đất công ích còn buông lỏng, hiệu quả sử dụng đất của một số doanh nghiệp nhà nước chưa cao, gây lãng phí. Chất lượng công tác đo đạc bản đồ thấp; tiến độ cấp đổi giấy chứng nhận cho các hộ gia đình và giấy chứng nhận sau dồn điền đổi thửa còn chậm. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng triển khai các dự án còn gặp nhiều khó khăn.

Hệ thống xử lý nước thải tại KCN Đình Trám và các cụm công nghiệp chậm được khắc phục và đầu tư (mới có 5/21 CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý). Việc xả thải của người dân và doanh nghiệp, tình trạng vệ sinh môi trường nông thôn, lạm dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác, chất lượng... còn chưa có chuyển biến rõ rệt.

Công tác quy hoạch, quản lý, cấp phép khai thác tài nguyên đặc biệt là đất san lấp, đất sét, cát, sỏi lòng sông ... chưa tốt; còn xảy ra nhiều sai phạm ở một số địa phương song chưa được ngăn chặn kịp thời, xử lý triệt để, ảnh hưởng đến môi trường cảnh quan, gây thất thu ngân sách.

## **2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội**

Tình trạng quá tải ở bậc học mầm non chưa được giải quyết triệt để. Việc bố trí đội ngũ giáo viên ở một số địa phương vẫn còn chưa hợp lý. Hệ thống công trình vệ sinh trường học, bệnh viện còn thiếu nhiều, chất lượng kém.

Tình trạng vượt dự toán chi, vượt quỹ, vượt trần quỹ BHYT còn xảy ra ở một số cơ sở khám chữa bệnh. Công tác quản lý các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân chưa thường xuyên. Công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm ở cấp cơ sở chưa tốt.

Tình trạng doanh nghiệp sai phạm về các quy định an toàn vệ sinh lao động còn phổ biến. Việc triển khai thực hiện liên kết đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp gặp nhiều vướng mắc. Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về trẻ em tại một số địa phương chưa thực sự được quan tâm đúng mức.

Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia BHXH và số người tham gia BHXH tự nguyện đạt thấp; hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra các đơn vị nợ BHXH chưa cao. Công tác quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch tại cơ sở còn có mặt hạn chế. Công tác quản lý tu bổ, tôn tạo di tích chưa chặt chẽ. Tình trạng bạo lực gia đình còn xảy ra.

Nguồn nhân lực công nghệ thông tin còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu. Tỷ lệ ngàm hóa hệ thống cáp thông tin ở các khu đô thị cũ thấp, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị.

## **3. Lĩnh vực nội chính**

Chưa xây dựng được hệ thống nền tảng kết nối theo Kiến trúc chính quyền điện tử nên công tác triển khai liên thông, tích hợp dữ liệu, trao đổi thông tin giữa các cấp, các ngành còn hạn chế, chưa hiệu quả.

Chất lượng tham mưu, kiểm tra, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản trình Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh chưa cao. Tình trạng ban hành văn bản quy phạm pháp luật trái thẩm quyền và không đúng quy định còn xảy ra ở một số địa phương.

Chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở còn hạn chế. Công tác dự báo nắm tình hình chưa sâu sát, một số việc tham mưu giải quyết chưa kịp thời. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật còn hình thức, hiệu quả thấp. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy tuy đã giảm được đầu mối nhưng chưa giảm được số lượng lãnh đạo quản lý. Kết quả tinh giản biên chế còn hạn chế.

Việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri có việc còn chậm, chất lượng giải quyết chưa cao. Hiệu quả việc triển khai một số chủ trương, chính sách của tỉnh nhất là về lĩnh vực văn hóa, xã hội tại cấp cơ sở đạt thấp.



Một số hạn chế, khuyết điểm chung trong công tác thanh tra chậm được khắc phục; công tác phát hiện và xử lý tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng hiệu quả thấp; tình trạng "tham nhũng vặt" trong thi hành công vụ còn xảy ra nhưng chưa được quan tâm, xử lý kịp thời. Chất lượng công tác tiếp công dân, tuyên truyền phổ biến và thực thi pháp luật chưa cao. Tình hình sinh hoạt đạo trái pháp luật diễn biến phức tạp.

Hoạt động đối ngoại chưa phong phú, đa dạng; tình trạng xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc chưa được giải quyết triệt để. Mật độ giao thông cao gây nên tình trạng quá tải trên các tuyến giao thông quan trọng diễn ra ngày càng nhiều; tai nạn giao thông ở mức cao.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU VÀ DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019**

#### **A. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

##### **I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT**

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình phát triển, nâng cao chất lượng tăng trưởng. Tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển doanh nghiệp. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là về giao thông, công nghiệp, đô thị, du lịch. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai. Chú trọng phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; xây dựng bộ máy chính quyền vững mạnh hành động, phục vụ. Củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

##### **II. CÁC CHỈ TIÊU KT-XH CHỦ YẾU NĂM 2019**

###### **1. Về phát triển kinh tế:**

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) 16%. Trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1%; Công nghiệp - xây dựng tăng 24,2% (trong đó Công nghiệp tăng 26,5%); Dịch vụ tăng 8,3%, thuế sản phẩm tăng 9,5%.

- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 16%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 53,2%; Dịch vụ chiếm 30,8%.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 2.700 USD.

(3) Thu ngân sách trên địa bàn đạt 8.156 tỷ đồng

(4) Huy động khoảng 50 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội.

(5) Giá trị kim ngạch xuất khẩu 8,4 tỷ USD; nhập khẩu 8 tỷ USD.

(6) Giá trị sản xuất trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt khoảng 100 -105 triệu đồng.

(7) Tỷ lệ dân số đô thị khoảng 20,5%.

(8) Khách du lịch đạt trên 2 triệu lượt người.

(9) Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM khoảng 54,4% (lũy kế 111 xã, tăng 22 xã so với năm 2018).

## **2. Về phát triển văn hóa - xã hội**

(10) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 89,3%.

(11) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế 97,8%. Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế cấp xã và phòng khám đa khoa khu vực) đạt 27,5 giường. Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT đạt 98,8% dân số.

(12) Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa là 85%. Tỷ lệ làng, bản, khu phố đạt danh hiệu làng, bản, khu phố văn hóa là 70%. Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới 43,1% (88 xã).

(13) Tỷ lệ hộ nghèo còn 5,31%, giảm 2% so với năm 2018. Tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn giảm 4% còn 31,48%.

(14) Số lao động có việc làm mới 29.700 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 66,5%.

## **3. Về môi trường**

(15) Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch đạt 84,1%. Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh đạt 94,3%.

(16) Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 72,1%, tỷ lệ thu gom được xử lý đạt 92,3%.

(17) Tỷ lệ độ che phủ rừng (không tính diện tích cây ăn quả) đạt 37,8%.

## **B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình phát triển, nâng cao chất lượng tăng trưởng**

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với triển khai Đề án đổi mới mô hình phát triển kinh tế tỉnh Bắc Giang đến năm 2030. Tiến hành xây dựng Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2030.

Quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, kế hoạch, đề án và chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh. Tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch; thực tốt công tác dự báo, nắm tình hình; chủ động tham mưu đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo điều hành, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019, tạo tiền đề để hoàn thành các mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm, giai đoạn 2016-2020.

### **2. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh**

Tiếp tục thực hiện quyết liệt cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế ngay từ khâu thu hút đầu tư. Tăng cường công tác hậu kiểm sau cấp phép đầu tư; xây dựng phương án xử lý nghiêm các dự án vi phạm theo Báo cáo kết quả rà soát các dự án đầu tư được thuê đất trên địa bàn tỉnh.

Triển khai có hiệu quả Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân; chú trọng xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân cả về số lượng và chất lượng.

Tạo điều kiện để đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án trọng điểm, tạo động lực phát triển các ngành kinh tế của tỉnh như: nhà máy Nhiệt điện An Khánh – Bắc Giang; hạ tầng KCN Hòa Phú; Trung tâm logistics quốc tế thành phố Bắc Giang, khu du lịch sinh thái - tâm linh Tây Yên Tử... Chủ động hỗ trợ, thu hút các tập đoàn lớn như: Samsung, FLC, Vinfast... nghiên cứu, khảo sát và đầu tư vào tỉnh.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các ngành sản xuất dịch vụ. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ có lợi thế, giá trị gia tăng cao như vận tải, tài chính, ngân hàng, logistics, du lịch, dịch vụ xã hội... Hỗ trợ chủ đầu tư hoàn thành, đưa dự án khu du lịch tâm linh – sinh thái Tây Yên Tử vào hoạt động.

Xây dựng kế hoạch về chiến lược phát triển nông nghiệp đến năm 2030. Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi phát triển các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối thị trường, xây dựng thương hiệu, truy suất nguồn gốc cho các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh để tổ chức quảng bá mở rộng thị trường tiêu thụ tại thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới; chuẩn bị tốt các điều kiện, hoàn thành các tiêu chí để huyện Lạng Giang về đích vào năm 2020. Tăng cường hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các HTX, Liên hiệp HTX, đặc biệt về đất đai, thuế, tiếp cận nguồn vốn, thị trường.

### **3. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng, tạo động lực phát triển**

Rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện các quy định nhằm huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó trọng tâm là thu hút, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng giao thông theo hình thức BT, dự án phát triển đô thị. Chấn chỉnh công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý, ngăn chặn hiệu quả các vi phạm trật tự xây dựng.

Đẩy nhanh tiến độ Dự án đường vành đai IV (Hà Nội), các dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông theo hình thức BT đã có chủ trương đầu tư; hoàn thành thủ tục khởi công Dự án cải tạo quốc lộ 31 (*đoạn thị trấn Đồi Ngô - thị trấn Chũ*), Dự án cải tạo nâng cấp đường tỉnh 289 (*đoạn Chũ - hồ Khuôn Thần*).

Rà soát hiện trạng quỹ đất, xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 để mở rộng, quy hoạch mới các khu, CCN. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thiện hạ tầng KCN Quang Châu, KCN Song Khê - Nội Hoàng, KCN Vân Trung; khẩn trương đầu tư xây dựng hạ tầng KCN Hòa Phú; tạo điều kiện để triển khai đầu tư xây dựng KCN tại xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên; hỗ trợ tập đoàn FLC nghiên cứu, khảo sát, đầu tư xây dựng KCN tại xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa. Đôn đốc đầu tư hoàn thiện hạ tầng các CCN, nhất là đầu tư hệ thống xử lý nước thải.

### **4. Đẩy mạnh thu ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách**

Thực hiện quyết liệt các biện pháp thu, đảm bảo thu đúng, đủ, kịp thời các nguồn thu; tránh thất thu, nợ đọng thuế; ngăn chặn tình trạng chuyển giá, trốn thuế. Thực hiện điều hành chi chặt chẽ, tiết kiệm; quản lý chặt chẽ nguồn dự phòng, nguồn tăng thu, nguồn tiền sử dụng đất, nguồn cải cách tiền lương theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm. Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu thầu, bảo đảm thực chất, công khai, minh bạch; áp dụng rộng rãi đấu thầu qua mạng. Tiến hành rà soát, đánh giá việc cứng hóa giao thông nông thôn, đảm bảo hỗ trợ đúng đối tượng theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện ngay từ đầu năm, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch trong năm 2019.

## **5. Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường**

Tăng cường, tạo sự chuyển biến trong công tác quản lý đất đai; thực hiện hiệu quả Kế hoạch về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai; triển khai Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Hoàn thiện hồ sơ đề quản lý chặt chẽ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích. Thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định. Nâng cao chất lượng công tác đo đạc bản đồ; hoàn thành việc đo đạc, cấp giấy chứng nhận đối với các diện tích đã thực hiện xong công tác dồn điền đổi thửa. Đẩy mạnh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội.

Xem xét, bổ sung vào quy hoạch đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh phục vụ dự án KCN Hòa Phú và dự án thi công công trình đường Vành đai IV và các dự án khác trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về khai thác khoáng sản.

Tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm soát, khẩn trương khắc phục những vấn đề nổi cộm về môi trường như: Việc xả thải tại các khu, cụm công nghiệp, tình trạng ô nhiễm môi trường tại các địa bàn giáp ranh, rác thải nông thôn, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tràn lan... Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ dự án nhà máy xử lý rác thải thành phố Bắc Giang; tiến hành bồi thường, GPMB các địa điểm được quy hoạch để thu hút đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung tại huyện Lục Nam và Hiệp Hòa.

## **6. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội**

Tiếp tục rà soát, quy hoạch mạng lưới trường, lớp các cấp học hợp lý. Đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và mũi nhọn, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng dạy, học tiếng Anh, Tin học. Chuẩn bị các điều kiện cho lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến. Đẩy mạnh xã hội hóa y tế, phát triển y tế tư nhân, tạo sự bình đẳng giữa các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và tư nhân. Tiếp tục thực hiện tự chủ tài chính tại các đơn vị y tế công lập. Giám định chặt chẽ chi phí khám chữa bệnh BHYT và quản lý quỹ BHYT.

Thực hiện hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; nâng cao chất lượng các danh hiệu văn hóa. Quan tâm tạo điều kiện các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực du lịch. Chấn chỉnh công tác quản lý, sửa chữa, tu bổ, bảo tồn phát huy giá trị các di tích lịch sử.

Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, đa dạng hóa các hình thức đào tạo nghề, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ. Thực hiện tốt các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho công tác giảm nghèo.

Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chính sách đối với người lao động trong các doanh nghiệp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng tỷ lệ doanh nghiệp và người lao động tham gia BHXH, giảm nợ đọng BHXH. Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp; tiến hành bồi thường giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút, huy động nguồn lực xây dựng các khu nhà ở cho công nhân.

## **7. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền; đấu tranh phòng, chống tham nhũng**

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Xây dựng quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị trực tuyến; cập

nhật khung kiến trúc chính quyền điện tử; chuẩn hóa hệ thống phần mềm một cửa điện tử để tích hợp, liên thông theo 3 cấp phục vụ giải quyết TTHC liên thông.

Xây dựng hình ảnh chính quyền năng động, thân thiện, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, những nhiễu. Rà soát, sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tinh giản biên chế, số lượng cấp phó. Hoàn chỉnh và triển khai thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thôn, tổ dân phố.

Tăng cường phối hợp với các cơ quan trong việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng. Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc Thông báo kết luận số 282-TB/TU của Thường trực Tỉnh ủy; Quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, phân đấu thực hiện xong từ 80-90% các kết luận, quyết định xử lý.

#### **8. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết các vấn đề bức xúc**

Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh; chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ. Chỉ đạo chuẩn bị tốt công tác diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2019. Thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 11-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho sản xuất kinh doanh và cuộc sống của người dân.

Thực hiện tốt Chỉ thị số 02/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh về tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc; thực hiện nghiêm các quyết định, kết luận giải quyết KNTC đã có hiệu lực pháp luật, phân đấu thi hành xong trên 85% các quyết định, kết luận. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phân đấu giảm tai nạn trên cả 3 tiêu chí so với năm 2018.

#### **9. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; thực hiện có hiệu quả công tác đối ngoại**

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chủ động thông tin định hướng dư luận, nhất là đối với các vấn đề phức tạp, nhạy cảm; phản ánh khách quan, trung thực, đúng định hướng; xử lý nghiêm việc thông tin sai sự thật.

Thực hiện tốt sự phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể nhân dân. Tăng cường hợp tác, liên kết với các địa phương trong vùng và cả nước. Duy trì và mở rộng các quan hệ hợp tác quốc tế, chủ động tham gia các diễn đàn hội nghị quốc tế dành cho các địa phương. Hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh tiếp cận thông tin hội nhập, nâng cao tính chủ động và khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Trên đây là báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, UBND tỉnh trân trọng báo cáo HĐND tỉnh./.

